CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ KHAI NGUYÊN

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ KHAI NGUYÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHAI NGUYEN TECHLONOGY AND TRADING LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108962796

3. Ngày thành lập: 29/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Tả Thanh Oai, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	*1410*
2.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	*1430*
3.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
4.	Sản xuất giày, dép	*1520*
5.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	*1701*
6.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*
7.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	*1709*
8.	In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	*1811*
9.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*
10.	Sao chép bản ghi các loại	*1820*
11.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	*2013*
12.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	*2220*
13.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
14.	Đúc sắt, thép	*2431*
15.	Đúc kim loại màu (Không bao gồm vàng và kim loại mà theo qui định pháp luật cấm kinh doanh hoặc hạn chế kinh doanh và chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật)	*2432*
16.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
18.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*

19.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
20.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	*3290*
21.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
22.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
23.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
24.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
25.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
26.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
27.	Xây dựng công trình điện	*4221*
28.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
29.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
30.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
31.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
32.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
33.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
34.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
35.	Phá dỡ	*4311*
36.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
37.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
38.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
39.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
40.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
41.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
42.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4512*
43.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4541*
44.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4610*
45.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4631*
46.	Bán buôn thực phẩm (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4632*
47.	Bán buôn đồ uống (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4633*
48.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4641*
49.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4649*

50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4651*
51.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4652*
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4653*
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4659*
54.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4661*
55.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4662*
56.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4663*
57.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4669*
58.	Bán buôn tổng hợp (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4690*
59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4711*
60.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4719*
61.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4721*
62.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4722*
63.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4723*
64.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4724*
65.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4741*
66.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4742*
67.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4751*
68.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4752*

69.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4753*
70.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4759*
71.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4761*
72.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4762*
73.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4763*
74.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4771*
75.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	*4772*
76.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản) (Trừ bán lẻ vàng, bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí).	*4773*
77.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vân tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	*4931*
78.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	*4932*
79.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	*4933*
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	*5229*
81.	Chuyển phát	*5320*
82.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
83.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng qui định pháp luật và không bao gồm quầy bar, karaoke, vũ trường, massge, xoa bóp, bấm huyệt, day huyệt,vật lý trị liệu, xông hơi, xông hơi thuốc,hành nghề y học cổ truyền)	*5610*

84.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. (trừ hoạt động cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)	*5621*
85.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
86.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	*5630*
87.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: Hệ thống điều hành; kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính; Xuất bản và phát hành các trò chơi điện tử trực tuyến.	*5820*
88.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (trừ hoạt động sản xuất chương trình truyền hình)	*5911*
89.	Hoạt động hậu kỳ	*5912*
90.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	*5913*
91.	Lập trình máy vi tính	*6201*
92.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
93.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
94.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	*6311*
95.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	*6399*
96.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	*6619*
97.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản	*6820*

98.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Việc cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát. Việc cung cấp dịch vụ kinh doanh này có thể bao gồm tư vấn, hướng dẫn hoặc trợ giúp hoạt động đối với doanh nghiệp hoặc các dịch vụ cộng đồng như: - Quan hệ và thông tin cộng đồng; - Thiết kế phương pháp kiểm toán hoặc cơ chế, chương trình chi phí kiểm toán, cơ chế điều khiển ngân quỹ; - Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...	*7020(Chính)*
99.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	*7110*
100.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	*7212*
101.	Quảng cáo	*7310*
102.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	*7320*
103.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình.	*7410*
104.	Hoạt động nhiếp ảnh	*7420*
105.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
106.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	*7729*
107.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
108.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	*7830*
109.	Đại lý du lịch	*7911*
110.	Điều hành tua du lịch	*7912*
111.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7990*
112.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	*8110*
113.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	*8211*

114.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	*8219*
115.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
116.	Dịch vụ đóng gói	*8292*
117.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	*8299*
118.	Giáo dục nhà trẻ	*8511*
119.	Giáo dục mẫu giáo	*8512*
120.	Giáo dục tiểu học	*8521*
121.	Giáo dục trung học cơ sở	*8522*
122.	Giáo dục trung học phổ thông	*8523*
123.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	*8559*
124.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	*8560*
125.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	*9000*
126.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	*9311*
127.	Hoạt động thể thao khác	*9319*
128.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	*9511*
129.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	*9512*
130.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
131.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
132.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	*9524*
133.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	*9620*

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM HỮU HIỀN	P208, CT1-B2, Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	29,410	B4878032	
2	NGUYỄN HOÀNG ÂN	Xóm 2, Xã Xuân Hòa, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	4.800.000.000	70,590	187583677	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG ÂN Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *14/03/1997* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *187583677*
Ngày cấp: *03/11/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Nghệ An*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 2, Xã Xuân Hòa, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Xóm 2, Xã Xuân Hòa, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội